TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: **186**/2023/HS-ST
Ngày: 27-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Minh Trí.

- Bà Nguyễn Ngọc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 203/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1976, tại Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực T, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C; bị cáo có chồng tên Đỗ Bảo L (đã ly hôn) và 04 người con; tiền án: Ngày 29/3/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố Cần Thơ) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội Cố ý gây thương tích, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 29/HSPT, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2023 cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Mai Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt;

- Bà Ngô Thị D, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh

Nghệ An; vắng mặt;

- Bà Trần Thị Diễm P, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 2, đường L, tổ 1, khu phố , phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt;

- Bà Mai Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 2, khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Võ Văn C, ông Trần Vỹ C1, ông Trần Hoàng L1; cùng vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2016, Nguyễn Thị Kim T mở quán cà phê Bi Bo, địa chỉ tại khu phố 7, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để bán nước giải khát. Do thu nhập từ việc bán nước giải khát thấp nên T nảy sinh ý định thuê tiếp viên đến quán cà phê Bi Bo để phục vụ bán cà phê và gợi ý với khách mua dâm nhằm thu lợi bất chính. Thực hiện ý định trên, khoảng tháng 02/2017, T thuê 03 đối tượng nữ là Phan Thị Kim L, Nguyễn Thị Mai Th và Ngô Thị D vào làm nhân viên bán nước giải khát cho T. Khi thuê thì T nói không có trả lương mà hai bên thống nhất L, Th và D bán dâm cho khách để hưởng T từ việc bán dâm; có khách tới quán thì phải mời khách uống nước và gợi ý hỏi khách có nhu cầu mua dâm rồi thỏa thuận giá mua bán dâm với khách, nếu khách đồng ý thì phải thông báo cho T biết và có sự đồng ý thì mới được đi bán dâm. T quy định mỗi lần các nhân viên đi bán dâm xong thì phải đưa cho T chi phí môi giới mỗi lượt từ 40.000 đồng đến 50.000 đồng và không cho các nhân viên bán dâm tại quán Bi Bo mà phải dẫn khách đi khách sạn, T thuê khách sạn do khách tự trả. Đồng thời, T có chuẩn bị sẵn các bao cao su để L, Th, D mang đi sử dụng khi bán dâm.

Khoảng 13 giờ ngày 14/02/2017, T và L, Th, D đang ở quán cà phê Bi Bo thì có 03 người khách nam là Võ Văn C, Trần Hoàng L1 và Trần Vỹ C1 đến quán cà phê Bi Bo để uống nước. Lúc này, Th, L, D ra tiếp khách; L ngồi với L1, Th ngồi với C, D ngồi với C1. Trong lúc nói chuyện, do C, L1, C1 có nhu cầu mua dâm nên D, L, Th cho biết giá bán dâm với số T là 400.000 đồng/lượt/khách, còn địa điểm bán dâm là tại khách sạn Phi Long II, địa chỉ tại khu phố 7, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và T thuê phòng khách sạn do C, L1, C1 tự trả thì C, L1, C1 đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, D, Th, L đến báo cho T biết việc D, Th, L đi bán dâm cho khách; Kim T đồng ý. Tiếp đó, D, Th, L lấy các bao cao su do T chuẩn bị sẵn rồi D điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen-vàng, biển số 61G1 - 173.84; Th điều khiển xe mô tô hiệu SYM Attila, màu đỏ, biển số 68M1 - 062.85 và L điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH Mode, màu trắng-nâu, biển số 61H1-202.03 đi đến khách sạn Phi Long II để bán dâm cho khách. Tại đây, L và L1 thuê phòng số 13, Th và C thuê phòng số 15, D và C1 thuê phòng số 11 để thực hiện việc mua bán dâm. Đến 14 giờ cùng ngày, Công an phường Phú Thọ đến khách sạn Phi Long II kiểm tra hành chính thì phát hiện D, L, Th

đang thực hiện hành vi bán dâm với C, L1, C1 tại các phòng số 11, 13, 15 của khách sạn Phi Long II và tạm giữ số vật chứng, gồm:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen-vàng, biển số 61G1 - 173.84 và 01 (một) quần lót màu đen, 01 (một) áo lót màu đen, 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng tại phòng số 11 của Ngô Thị D.

- 01 (một) xe mô tô hiệu SYM Attila, màu đỏ, biển số 68M1 - 062.85 và 01 (một) quần lót màu đen, 01 (một) áo lót màu đen, 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng tại phòng số 15 của Nguyễn Thị Mai Th.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH Mode, màu trắng-nâu, biển số 61H1-202.03 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu đen, 01 (một) quần lót màu đen, 01 (một) áo lót màu đen, 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng tại phòng số 13 của Phan Thị Kim L.

Qua làm việc, L, Th, D khai nhận bán dâm cho khách đến quán Bi Bo uống cà phê theo sự môi giới mại dâm của T nên Công an phường Phú Thọ yêu cầu T về trụ sở Công an phường Phú Thọ để làm việc. Tại đây, T thừa nhận hành vi môi giới cho L, Th, D bán dâm cho khách. Công an phường Phú Thọ tạm giữ số vật chứng, gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 61G1-381.06; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng và 22 (hai mươi hai) bao cao su hiệu "Vip" chưa qua sử dụng. Cùng ngày 14/02/2017, Công an phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một chuyển hồ sơ vụ việc, vật chứng thu giữ và T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, L khai nhận đã thực hiện hành vi bán dâm cho khách đến uống cà phê theo sự môi giới mại dâm của T từ ngày 05/02/2017 đến ngày 14/02/2017 thì bị phát hiện. Trung bình mỗi ngày L bán dâm được 02 lượt, mỗi lượt phải đưa cho T số T là 40.000 đồng, mỗi ngày đưa cho T số T là 80.000 đồng; tổng số T là 800.000 đồng. Th khai nhận đã thực hiện hành vi bán dâm cho khách theo sự môi giới mại dâm của T từ ngày 04/02/2017 đến ngày 14/02/2017 thì bị phát hiện. Trung bình mỗi ngày Th bán dâm được 02 lượt, mỗi lượt đưa cho T số T là 40.000 đồng, mỗi ngày đưa cho T số T là 80.000 đồng; tổng số T là 880.000 đồng. D khai nhận đã thực hiện hành vi bán dâm cho khách theo sự môi giới mại dâm của T từ ngày 05/02/2017 đến ngày 14/02/2017 thì bị phát hiện. Trung bình mỗi ngày D bán dâm được 02 lượt, mỗi lượt đưa cho T số T là 40.000 đồng, mỗi ngày D đưa cho T số T là 80.000 đồng; tổng số T là 800.000 đồng. Ngày 09/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hình thức phạt T đối với L, Th và D mỗi người 200.000 đồng về hành vi bán dâm. Bị cáo T khai nhận từ đầu tháng 02/2017 đến ngày 14/02/2017, thu lợi bất chính từ hành vi môi giới mại dâm cho L, Th, D số T từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng mỗi ngày. Tổng số T thu lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm là 2.480.000 đồng.

Đối với hành vi mua dâm của C, L1 và C1. Ngày 09/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định xử phạt vi

phạm hành chính hình thức phạt T mỗi người 750.000 đồng.

Đối với khách sạn Phi Long II do bà Trần Thị Hồng V làm chủ. Quá trình điều tra xác định khi C, L1, C1 cùng với L, Th, D đến thuê phòng và thực hiện hành vi mua bán dâm tại đây thì anh Phạm Ngọc H là lễ tân khách sạn không biết. Do bà V không có ở khách sạn và việc mua bán dâm tại khách sạn bà Vân không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 61G1-381.06 thu giữ của T và xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen-vàng, biển số 61G1 - 173.84 thu giữ của D; quá trình điều tra xác định: 02 chiếc xe mô tô trên là tài sản của chị Trần Thị Diễm P. Sau khi mua xe mô tô, chị P cho T và D mượn 02 chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại. Do đó, ngày 06/3/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã lập biên bản giao trả 02 xe mô tô nêu trên cho chị P.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu SYM Attila, màu đỏ, biển số 68M1 - 062.85 thu giữ của Th, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô trên do Th đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Do đó, ngày 06/3/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã lập biên bản giao trả xe mô tô nêu trên cho Th.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode, màu trắng-nâu, biển số 61H1-202.03 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu đen thu giữ của L, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô trên do bà Mai Thị N đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau khi mua, bà N đã bán xe mô tô trên cho L nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu đen là tài sản cá nhân của L. Do đó, ngày 05/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã lập biên bản giao trả xe mô tô và điện thoại di động nêu trên cho L.

Đối với các vật chứng gồm: 01 (một) quần lót màu đen và 01 (một) áo lót màu đen thu giữ của L, 01 (một) quần lót màu đen và 01 (một) áo lót màu đen thu giữ của Th, 01 (một) quần lót màu đen và 01 (một) áo lót màu đen thu giữ của D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã lập biên bản giao trả các quần áo nêu trên cho L, Th, D.

Đối với các vật chứng gồm: 03 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ tại phòng số 11, 13, 15 của Khách sạn Phi Long II; 22 bao cao su hiệu "Vip" chưa qua sử dụng thu giữ tại quán cà phê Bi Bo và 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng thu giữ của T, quá trình điều tra xác định: Các bao cao su nêu trên là vật chứng của vụ án, còn 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng là tài sản cá nhân của T không liên quan đến hành vi phạm tội Môi giới mại dâm nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển các vật chứng nêu trên đến Chi cục Th hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án tịch thu, tiêu hủy các bao cao su; trả lại điện thoại di động cho T.

Cáo trạng số 186/CT-VKSTDM ngày 12/9/2023 của Viện Kiểm sát

nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim T về tội Môi giới mại dâm theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 03 bao cao su đã qua sử dụng; 22 bao cao su hiệu "Vip" chưa qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận; trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực Th hành. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử vụ án, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định đối với tội danh này có khung hình phạt nhẹ hơn, nên Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo tội danh mà Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội D bản cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 05/02/2017 đến ngày 14/02/2017, bị cáo Nguyễn Thị Kim T đã sử dụng quán cà phê Bi Bo, địa chỉ tại khu phố 7, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để làm địa điểm môi giới cho Phan Thị Kim L, Nguyễn Thị Mai Th (riêng Th bán dâm cho khách từ ngày 04/02/2017) và Ngô Thị D mỗi người mỗi ngày bán dâm cho khách 02 lần và thu lợi bất chính được tổng số T là 2.480.000 đồng (riêng ngày 14/02/2017, bị cáo T đã môi giới cho L, Th và D bán dâm cho 03 khách là C, L1 và C1 tại khách sạn Phi Long II). Nên hành vi mà bị cáo Nguyễn Thị Kim T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm" theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Bị

cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nếp sống văn minh, sức khoẻ con người và là một trong những nguyên nhân gián tiếp làm lây truyền các căn bệnh xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết việc môi giới mại dâm để nhận những đồng T bất chính là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Ngoài ra, bị cáo từng bị Tòa án xét xử về tội cố ý gây thương tích. Mặt khác, sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra. Vì vậy, cần xử bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị kết án, chưa được xoá án tích, nay lại phạm tội với lỗi cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tặng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án và biện pháp tư pháp:

+ Đối với 03 bao cao su đã qua sử dụng và 22 bao cao su hiệu "Vip" chưa qua sử dụng, là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng; là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm d, đ khoản 2 Điều 328; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội "Môi giới mại dâm".

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/8/2023.

2. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim T nộp sung vào ngân sách Nhà nước số T thu lợi bất chính 2.480.000 đồng;

+ Tịch thu, tiêu hủy: 03 (ba) bao cao su đã qua sử dụng; 22 (hai mươi hai) bao cao su hiệu "Vip" chưa qua sử dụng;

+ Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu OPPO, màu trắng (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 163.23 ngày 13/9/2023 Chi cục Th hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Công an thành phố Thủ Dầu một).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sinh